

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày 21-11-2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất,

Yêu cầu di dời tài sản trên đất,

Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Doãn Thắng.

Ông Lương Mạnh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quý Tạo, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đàm Văn T, sinh năm 1947. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lương Văn C, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có lý do.

- Bị đơn: Ông Đàm Quang C (tức Đàm Văn C, sinh năm 1977. Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn H, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Có mặt.

2. Bà Lương Thị A, sinh năm 1942. Vắng mặt.

3. Anh Đàm Văn V, sinh năm 1979. Vắng mặt.

4. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1985. Vắng mặt.

5. Anh Đàm Văn N, sinh năm 1982. Vắng mặt.

6. Ông Đàm Văn N, sinh năm 1936. Vắng mặt.
7. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1936. Vắng mặt.
8. Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1988. Vắng mặt.
9. Anh Đàm Văn K, sinh năm 1971. Vắng mặt.
10. Anh Đàm Văn D, sinh năm 1973. Vắng mặt.
11. Anh Đàm Văn T, sinh năm 1975. Vắng mặt.
12. Anh Đàm Văn Đ, sinh năm 1985. Vắng mặt.
13. Anh Đàm Văn T, sinh năm 1976. Vắng mặt.
14. Ông Đàm Văn H, sinh năm 1968. Có mặt.
15. Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1969. Có mặt.

Đều có địa chỉ tại: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

16. Chị Đàm Thị N, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

17. Chị Đàm Thị D, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

18. Anh Đàm Văn L, sinh năm 1985. Vắng mặt.

19. Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: L, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị A, các anh Đàm Văn V, Đàm Văn N, chị Hoàng Thị N: Ông Đàm Văn T, sinh năm 1947. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, ông Đàm Văn T cùng vợ là Lương Thị A và các con là Đàm Thị N, Đàm Thị D, Đàm Văn V, Đàm Văn N, Đàm Văn L, các chị Hoàng Thị N, Hoàng Thị X trình bày: Gia đình ông có một lô đất trồng rừng do ông cha để lại có tên gọi là P thuộc thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1994 Nhà nước giao sô bìa xanh theo Quyết định số 45/QĐ-UBND, ngày 05/4/1994 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đối với lô đất số 29, có diện tích 4,5 ha mang tên Đàm Văn T. Năm 2000 ông Đàm Văn T đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 4,5 ha tại P và đăng ký thêm diện tích 3,5 ha tại Đ là thửa đất liền kề, tổng cộng là 8,0 ha, năm 2004 được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 929814, ngày 29/7/2004 diện tích 80.000m², thửa 523 tờ bản đồ đất lâm nghiệp xã T. Năm 2008 nhà nước đo đạc bản đồ địa chính đã đo vẽ thành thửa 404, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính xã T, đã vẽ trùng lên một phần diện tích là 7.5553m², tại phần đất ông xin thêm năm 2000 có tên gọi Đ mà ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 523. Các năm 2013, 2014, 2016 và 2017 anh Đàm Quang C đến chặt phá cây tạp, đốt cháy 02 cây hồi, lấy đất trồng ngô, sắn, năm 2014 trồng lát, năm 2017 trồng Keo và phát sinh tranh chấp. Giá trị quyền sử dụng đất có tranh chấp là 7.553m² x 5.000đồng = 37.765.000đồng, giá trị cây tạp bị chặt phá là 40m³ x 500.000đồng = 20.000.000đồng, 02 cây hồi x 4.000.000đồng = 8.000.000đồng. Yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng đất, buộc anh Đàm Quang C cùng các thành viên trong gia đình chấm dứt hành vi tranh chấp diện tích 7.553m²

đất tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 03, buộc anh Đàm Quang C phải bồi thường thiệt hại về cây tạp bị chặt phá và 02 cây hồi bị đốt cháy với tổng số tiền là 28.000.000đồng và yêu cầu anh Đàm Quang C phải di dời số cây keo trồng trái phép trên đất đi nơi khác để trả lại đất cho ông quản lý, sử dụng. Sau khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định rõ: thiệt hại về cây tạp và 02 cây hồi và đất tranh chấp quyết qua các thửa đất 404 mang tên Đàm Văn C (tức Đàm Quang C), thửa 420 mang tên Đàm Văn H và thửa 424 mang tên Đàm Văn T (anh Đàm Văn T đang canh tác). Tại phiên họp kiểm tra và tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ông Đàm Văn T đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích anh Đàm Văn T đã trồng hồi là 350.6m² tại thửa đất số 424 và diện tích 1.997,4m² tại thửa 420 của ông Đàm Văn H trên thửa này có 4 cây lát của anh Đàm Quang C trồng và 04 cây xoan, 01 cây bồ đề, rút yêu cầu đòi anh Đàm Quang C bồi thường thiệt hại về cây tạp bị chặt phá tại thửa 404 và 02 cây hồi bị đốt cháy tại thửa 419. Nay còn yêu cầu Tòa án giải quyết đối với diện tích 2.801,4m² tại thửa đất 404 và công nhận quyền sử dụng đất. Buộc anh Đàm Quang C và các thành viên trong gia đình chấm dứt tranh chấp tại thửa 404, buộc anh Đàm Quang C phải di dời toàn bộ 300 cây keo trồng trái phép trên phần đất tranh chấp để trả lại đất cho gia đình ông tiếp tục quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất.

Tại các bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, anh Đàm Quang C và vợ là chị Hoàng Thị B trình bày: Gia đình các ông, bà có 01 khu đất rừng có tên gọi là Đ, thuộc thôn B, xã T, huyện Bình Gia. Năm 2008, bố mẹ anh đã chia cho vợ chồng anh thửa đất 404, tờ bản đồ số 03. Từ năm 2013 vợ chồng anh đã phát rừng làm nương ngô, sắn, năm 2017 phát rừng để trồng keo. Ông Đàm Văn T cho rằng là đất của ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì phát sinh tranh chấp. Nay không thừa nhận ông Đàm Văn T có đất tại khu vực trên và yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng đất, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn T.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng ông Đàm Văn N và vợ là bà Hoàng Thị N, cùng các con là Đàm Văn K, Đàm Văn D, Đàm Văn T, Đàm Văn Đ là bố mẹ và anh em của anh Đàm Quang C trình bày: Gia đình có khu đất rừng tại Đ, thuộc thôn B, xã T đã canh tác lâu năm, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2008 gia đình đã chia khu đất này cho anh Đàm Quang C quản lý, sử dụng, nay không đòi hỏi quyền lợi gì về phần đất tranh chấp và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng ông Đàm Văn H và vợ là bà Hoàng Thị S trình bày: Gia đình ông, bà có 01 khu đất nương lúa tại Đ, thôn B, xã T, diện tích khoảng 2.000m² tại thửa 420, tờ bản đồ số 03, từ ngang vũng trâu đầm trở lên đồi, năm 1992 đã trồng xoan không liên quan gì đến đất tranh chấp và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Phần diện tích còn lại tại thửa đất 420 do cơ quan Nhà nước vẽ bản đồ sai vào đến khu vực tranh chấp, nhưng không phải đất của ông quản lý, khi Tòa án giải quyết thuộc về đất hộ khác ông, bà không thắc mắc gì.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng anh Đàm Văn Tiến là con trai của ông Đàm Văn T trình bày: Gia đình anh có thửa đất 424, tờ bản đồ số 03,

mang tên Đàm Văn T là bố của anh, trên đất anh đã trồng kín hồi và sớ tại khu vực vũng trâu đầm trở lên, không liên quan gì đến đất tranh chấp và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Các ngày 17/9 và 04/11/2019 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản bổ sung đã xác định đất tranh chấp thuộc một phần diện tích của các thửa đất số 419, 404, 420 và 424, tờ bản đồ số 03 xã T đo đạc năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện B, tên địa danh là Đ thuộc thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Xác định đất tranh chấp giữa ông Đàm Văn T với anh Đàm Quang C tại 06 vị trí cụ thể được đánh số vị trí (1) đến (6) như sau:

Vị trí (1): Tranh chấp giữa ông Đàm Văn T với anh Đàm Quang C, từ các điểm Ô, Đ, D, C, I diện tích tranh chấp là 2.801,4m² thuộc một phần diện tích của thửa đất số 404, tờ bản đồ số 03 đo đạc năm 2008, mang tên Đàm Văn C, do anh Đàm Quang C trồng keo năm 2017 và một phần là rừng cây tạp, cây bụi có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa đất 404 từ điểm Đ đến D và có chiều dài là 89,17 mét.

Phía Đông tiếp giáp với thửa đất 420 mang tên Đàm Văn H từ điểm D đến C có chiều dài là 53,45 mét.

Phía Tây tiếp giáp với thửa đất 419 mang tên Đàm Văn T từ điểm Ô đến Đ có chiều dài là 23,00 mét.

Phía Nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 404 từ điểm Ô đến I, C có chiều dài là 54,72 mét.

Tình trạng sử dụng đất: Trên đất đã được anh Đàm Quang C chặt phát một phần cây tạp để trồng 1.000 cây keo năm 2017, nay còn sống 300 cây. Trên đất có cây tạp bị anh Đàm Quang C chặt phát là 04m³. Theo kết quả định giá xác định về đất tranh chấp có giá trị là 2.801,4m² x 5.000đ/m² = 14.007.000đồng, 300 cây keo x 8.000đồng/ cây = 2.400.000đồng, cây tạp 04m³ x 350.000đồng = 1.400.000đồng, 02 cây hồi đường kính gốc từ 20 đến 25cm x 1.500.000đồng = 3.000.000đồng, xoan 08 cây, trám 01 cây đường kính từ 5 đến 10cm = 230.000đồng, cây tạp gồm: 01 cây bồ đề đường kính gốc trên 20cm = 735.000đồng, 01 cây khảo cải các bên thỏa thuận có 0,6m³ = 175.000đồng, 01 cây lim sặc (mạy Lim) giá trị là 350.000đồng.

Vị trí thứ (2): Tranh chấp giữa ông Đàm Văn T với anh Đàm Quang C tại thửa 420, tờ bản đồ số 03 đo đạc năm 2008 từ điểm D, O, M, L, K, G, C mang tên Đàm Văn H, có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa đất 420 từ điểm D đến O có chiều dài là 19,84 mét.

Phía Đông tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 420 từ điểm O đến M, L có chiều dài là 46,68 mét.

Phía Tây tiếp giáp với thửa đất 419 và 404 từ điểm G đến C, D có chiều dài là 60,24 mét.

Phía Nam tiếp giáp với thửa đất 424 mang tên Đàm Văn T (nay anh Đàm Văn T đang canh tác trồng hồi từ điểm G đến K, L có chiều dài là 59,53 mét.

Tình trạng sử dụng đất: Đất tranh chấp có 1997,4m², trên đất có 4 cây lát đường kính gốc dưới 5cm do anh Đàm Quang C trồng năm 2014, 04 cây xoan đường kính gốc từ 20 đến 30cm và 01 cây bồ đề đường kính trên 20cm. Theo kết quả định giá xác định về đất có giá trị là 1.997,4m² x 5.000đ/m² = 9.987.000đồng, 04 cây lát x 24.000đồng/cây = 96.000đồng, 04 cây xoan x 117.000đồng = 468.000đồng, 01 cây bồ đề = 735.000đồng.

Vị trí thứ (3): Giữa ông Đàm Văn T với anh Đàm Quang C tại thửa 424, tờ bản đồ số 03 đo đạc năm 2008 từ điểm G, K, L, T mang tên Đàm Văn T (trên đất anh Đàm Văn T đã trồng hồi, sò), có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp với thửa đất 420 từ điểm G đến K, L có chiều dài là 59,53 mét.

Phía Đông tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa 424 từ điểm L đến T có chiều dài là 16,58 mét.

Phía Tây tiếp giáp với thửa đất 419 mang tên Đàm Văn T tại điểm G (điểm G là vũng trâu đầm).

Phía Nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 424 từ điểm G đến T có chiều dài là 44,94 mét.

Vị trí thứ (4): Tranh chấp giữa ông Đàm Văn T với anh Đàm Quang C tại thửa 419, tờ bản đồ số 03 đo đạc năm 2008 từ điểm Đ, E, A, Ô mang tên Đàm Văn T, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có địa danh là Đ, thuộc thôn B, xã T có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp với phần còn lại của thửa đất 419 từ điểm E đến Đ có chiều dài là 0,36 mét.

Phía Đông tiếp giáp với thửa đất 404 từ điểm Ô đến Đ có chiều dài là 21,27 mét.

Phía Tây tiếp giáp với thửa đất 419 mang tên Đàm Văn T từ điểm A đến E có chiều dài là 26,25 mét.

Phía Nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 419 từ điểm A đến Ô có chiều dài là 2,29 mét.

Tình trạng sử dụng đất: Đất tranh chấp có 25,1m², trên đất có 02 cây hồi già của ông Đàm Văn T đã bị anh Đàm Quang C đốt cháy và cây tạp mọc tái sinh dạng cây bụi còn nhỏ, các bên thừa nhận số cây hồi trên đất là của ông Đàm Văn T, đất tranh chấp có giá trị là 125.500đồng.

Vị trí thứ (5): Tranh chấp giữa ông Đàm Văn T với anh Đàm Quang C tại thửa 404, tờ bản đồ số 03 đo đạc năm 2008 từ điểm A, B, I mang tên Đàm Văn C, có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp với phần còn lại của thửa đất 404 từ điểm Ô đến I có chiều dài là 54,72 mét.

Phía Đông tiếp giáp với thửa đất 404 tại điểm I.

Phía Tây tiếp giáp với thửa đất 419 mang tên Đàm Văn T từ điểm A đến B có chiều dài là 8,65 mét.

Phía Nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 419 từ điểm B đến I có chiều dài là 51,45 mét.

Tình trạng sử dụng đất: Đất tranh chấp có 317,8m², trên đất là rừng hồi già, các bên thừa nhận số cây hồi trên đất là của ông Đàm Văn T, đất tranh chấp có giá trị là 1.989.000đồng.

Vị trí thứ (6): Tranh chấp giữa ông Đàm Văn T với anh Đàm Quang C tại thửa 419, tờ bản đồ số 03 đo đạc năm 2008 từ điểm I, G, C mang tên Đàm Văn T, có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp với thửa đất 404 từ điểm I đến C có chiều dài là 15,79 mét.

Phía Đông tiếp giáp với thửa đất số 420 từ điểm G đến C có chiều dài là 6,79 mét.

Phía Tây tiếp giáp với thửa đất 419 mang tên Đàm Văn T tại điểm I

Phía Nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 419 từ điểm I đến G có chiều dài là 16,61 mét. (điểm G là vũng trâu đầm). Đất tranh chấp có giá trị là 268.000đồng, trên đất là bụi cỏ dại.

Tại công văn số: 1393/UBND-TNMT ngày 20/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B cho biết: Ngày 29/9/2004 hộ ông Đàm Văn T được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 929814, số vào sổ 00291/QSĐĐ/1516/QĐ-UB (H) thửa đất 523a, diện tích 96.000m², thửa đất 523, diện tích 80.000m² đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Đất đai. Các thửa đất 404, 420, tờ bản đồ số 03 xã T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân.

Tại Công văn số 255/CV-KL, ngày 03/10/2019 của Hạt kiểm lâm B cho biết hộ ông Đàm Văn T, năm 1994 được giao sổ bìa xanh 2 lô 29 tại P diện tích 4,5 ha và tại C 9,0 ha. Hộ ông Đàm Văn N được giao 01 lô đất số 31, tên địa danh "P" (mô tả: Từ cốc cườm đến trước sào giáp B).

Tại Công văn số 358/NN, ngày 30/9/2019, của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B cho biết loại Keo trồng năm 2018, lát trồng năm 2014. Nếu phải di dời đi nơi khác trồng thì sẽ không đảm bảo sống và phát triển.

Theo kết quả giám định tư pháp về bản đồ ngày 08/11/2019 thì thửa đất 523 và 523a đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Đàm Văn T theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T năm 2000, trùng lên thửa đất 141, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T đo đạc năm 2008 chủ sử dụng đất ghi tên Đàm Văn T.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 23/10/2019 nhưng không thành. Ông Đàm Văn T tiếp tục yêu cầu được sử dụng diện tích 2.801,4 tại thửa 404, yêu cầu anh Đàm Quang C di dời 300 cây keo đi nơi khác để trả lại đất cho ông quản lý, sử dụng đất, số cây xoan và cây tạp trên đất. Rút yêu cầu khởi kiện đối với về yêu cầu buộc anh Đàm Quang C bồi thường thiệt hại về cây tạp bị chặt phá trên thửa đất 404, 02 cây hồi bị đốt cháy tại thửa 419 và diện tích 1.997,4 m² tại thửa đất 420 của ông Đàm Văn H, diện tích 350,6m² tại thửa đất 424 của ông Đàm Văn T, và ông Đàm Văn T thừa nhận là đất của 2 hộ nêu trên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Đàm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn chấm dứt tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc anh Đàm Quang C di dời toàn bộ 300 cây keo, 04 cây lát trồng trái phép trên đất đi nơi khác để trả lại đất, công nhận quyền sở hữu đối với 12 cây xoan, cây tạp có trên đất tranh chấp, đề nghị Miễn án phí, xem xét giải quyết về chi phí tố tụng theo quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến

hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự khi tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, nên không có kiến nghị gì.

Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các Điều 135, 166 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 26, 91, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để giải quyết: Về nội dung. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do không có căn cứ pháp luật, ông Đàm Quang C được quản lý sử dụng 2.801,4m² đất tranh chấp và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa 404 tờ bản đồ số 03 xã T. Đình chỉ giải quyết diện tích 1.997,4 m², tại thửa đất 420 cùng các loại cây như lát, xoan, cây tạp có trên đất đối với ông Đàm Văn H, đình chỉ giải quyết diện tích 350,6m² tại thửa 424 của ông Đàm Văn T, đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu bồi thường về cây tạp bị chặt phá và 02 cây hồi bị đốt cháy do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Công nhận phần đất tiếp giáp giữa thửa đất 404 của ông Đàm Quang C và thửa 419 của ông Đàm Văn T giáp đông đòi diện tích 317,8² + 53,6m² và phần diện tích dưới đường mòn 25,1m² thuộc về thửa đất 419 của ông Đàm Văn T, giải quyết về án phí, chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Về quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp tổng đạt, các đương sự tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vợ và các con của bên nguyên đơn đã ủy quyền cho nguyên đơn tham gia tố tụng, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bị đơn đã có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và không có khiếu nại gì, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 227 để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định.

[2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Khu đất có tên địa danh là Đ, thuộc thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, là đất rừng tự nhiên thuộc đất rừng sản xuất, hộ ông Đàm Văn N, Đàm Văn H canh tác lúa nương, sau đó chuyển sang trồng xoan và tu bổ cây tạp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ dân. Năm 2008 Nhà nước tiến hành đo đạc bản đồ thì các hộ đăng ký trên sổ mục kê cụ thể: Hộ anh Đàm Văn C đăng ký thửa 404, hộ ông Đàm Văn H đăng ký thửa 420, hộ ông Đàm Văn T đăng ký thửa 424, tờ bản đồ số 03, tờ bản đồ địa chính xã T, hộ ông Đàm Văn T không đăng ký thửa 419, nhưng trên thực tế trên đất có rừng hồi già đã trồng từ những năm 1960 không có tranh chấp và tiếp giáp với các thửa đất 404, 420 và 424 nêu trên và các hộ dân đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 404, 420, 424 và 419.

[3] Về vị trí tranh chấp và tài sản có trên đất nguyên đơn yêu cầu giải quyết: Vị trí ghi số (1), diện tích tranh chấp là 2.801,4m² từ các điểm Ô, Đ, D, C, I thuộc một phần diện tích của thửa đất số 404, tờ bản đồ số 03 đo đạc năm 2008 mang tên Đàm Văn C, trên đất có 300 cây keo do anh Đàm Quang C trồng năm

2017, 08 cây xoan tự mọc, 02 cây tạp cần được giải quyết trong vụ án này. Vị trí thứ (2), diện tích tranh chấp là 1.997,4m² từ các điểm D, O, M, L, K, G, C thuộc một phần diện tích của thửa đất số 420, tờ bản đồ số 03 đo đạc năm 2008 mang tên Đàm Văn H, chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có 04 cây lát do anh Đàm Quang C trồng năm 2014, 04 cây xoan, 01 cây tạp. Vị trí thứ (3), diện tích tranh chấp là 350,6m² từ các điểm G, K, L T thuộc một phần diện tích của thửa đất số 424, tờ bản đồ số 03 đo đạc năm 2008 mang tên Đàm Văn T, chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Đàm Văn T đã rút yêu cầu giải quyết về đất và cây trên vị trí (2) và (3) tại thửa 420 và 424, nên không xem xét. Vị trí thứ (4), diện tích tranh chấp là 25,1m² từ các điểm A, Ô, Đ, E thuộc một phần diện tích của thửa đất số 419, tờ bản đồ số 03 đo đạc năm 2008 mang tên Đàm Văn T trên đất có 02 cây hồi bị anh Đàm Quang C đốt cháy, tại phiên thẩm định bổ sung ngày 04/11/2019, anh Đàm Quang C thừa nhận là đất và cây hồi của ông Đàm Quang C, không tranh chấp, nên cần công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đàm Văn T. Vị trí thứ (5) từ Ô, B, I diện tích 317,8m² là một phần của thửa đất số 404 mang tên Đàm Văn C, trên đất có nhiều cây hồi già, anh Đàm Quang C thừa nhận, diện tích đất và cây hồi của ông Đàm Văn T và không tranh chấp, nên cần công nhận quyền sử dụng đất thực tế. Vị trí (6) từ I, C, G, diện tích 53,6m², tại phiên thẩm định anh Đàm Quang C thừa nhận là đất rừng hồi của ông Đàm Văn T, nên cần công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đàm Văn T tại 2 vị trí (5) và (6), đồng thời kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện chỉnh lý bản đồ theo hiện trạng sử dụng đất tại vị trí số (5) là phù hợp với thực tế sử dụng đất và bảo vệ quyền về tài sản.

[5] Về nguyên nhân dẫn đến tranh chấp: Ông Đàm Văn T cho rằng: Năm 1994, được giao sổ bì xanh lô 29 tại Pàn Làng, diện tích 4,5 ha, năm 2000 khi kê khai đăng ký để cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông có khai thêm 3,5 ha tại Đ giáp với phía Tây của P. Năm 2008 khi Nhà nước đo đạc bản đồ đã đo vẽ thửa 404 cho ông Đàm Quang C trùng lên một phần diện tích của thửa đất 523 ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 thì phát sinh tranh chấp.

[7] Đánh giá chứng cứ: Theo đơn khởi kiện ông Đàm Văn T cho rằng, năm 1994 ông được giao diện tích 4,5ha tại lô đất số 29 tại P. Năm 2000 ông đã xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm đó ông đã xin thêm mảnh đất liền kề có tên địa danh Đ với diện tích 3,5 ha, tổng số diện tích tăng lên thành 80.000m², gọi là P, tại thửa 523 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 929814, ngày 23/9/2004. Năm 2008, Nhà nước tiến hành đo đạc bản đồ thì đã vẽ trùng thửa đất số 404, tờ bản đồ số 03, xã T mang tên Đàm Văn C trùng lên diện tích của thửa đất 523 của ông 7553m² và phát sinh tranh chấp từ các năm tiếp theo đó cho đến nay. Tòa án đã yêu cầu ông cung cấp chứng là đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất năm 2000 để chứng minh cho việc đăng ký quyền sử dụng mảnh đất có tranh chấp có tên gọi Đ, nhưng ông Đàm Văn T không cung cấp được, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất năm 2000, nhưng không có kết quả. Về phía bị đơn, theo công văn trả lời của Hạt Kiểm Lâm thì năm 1994 chỉ được giao lô 31 tại địa danh P1 cho hộ Đàm Văn N (bố đẻ anh Đàm Quang C), không phải tại vị trí tranh chấp Đ hiện

nay, tại phiên tòa, anh Đàm Quang C cũng thừa nhận địa danh P1 cách vị trí đất tranh chấp hiện nay khoảng 200 mét về hướng Nam, không liên quan đến đất tranh chấp. Tòa án đã Trung cầu giám định bản đồ theo yêu cầu của ông Đàm Văn T, kết quả giám định, thửa đất 523 và 523a thể hiện trên bản đồ cấp quyền sử dụng đất năm 2000, xây dựng trên tài liệu giao đất giao rừng năm 1994, không trùng với vị trí các thửa đất số 404, 420 và 424, tờ bản đồ địa chính số 03 xã T đo đạc năm 2008 đang tranh chấp theo như ông Đàm Văn T trình bày, cũng theo kết quả giám định bản đồ thì thửa đất 523 và 523a đã được cấp nêu trên trùng với vị trí thửa đất 141, tờ bản đồ số 03, đo đạc năm 2008. Kết quả xác minh về việc đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì gia đình ông Đàm Văn T chưa xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính năm 2008, mà chỉ ký nhận trên sổ dã ngoại trong đó thửa 523 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004, thành thửa 141, diện tích 144.358,9m², việc ông Đàm Văn T ký nhận có 6 thửa gồm: 141, 189, 347, 362, 405, 391, ở khác nhau về vị trí đất thửa đất, tờ bản đồ số 03, nhưng tất cả đều chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào kết quả giám định thì thửa đất 523 mà ông Đàm Văn T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000, thì nay là thửa 141, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính xã T cách rất xa thửa đất đang tranh chấp tại thửa 404. Do vậy xác định khu vực đang tranh chấp các bên đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn T cho rằng thửa đất 404 đã vẽ trùng lên thửa đất 523 của ông là không có căn cứ, cần bác yêu cầu. Tuy nhiên bên cạnh thửa đất 404 có tranh chấp, ông Đàm Văn T có thửa đất 419 mang tên Đàm Văn T, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là rừng hồi già đã được trồng vào những năm 1960, trong đó tại các vị trí (4), (5), (6) theo sơ họa ngày 04/11/2019. Tại vị trí số (5) được vẽ bản đồ thửa 404 trùng lên một phần diện tích của rừng hồi ông Đàm Văn T, anh Đàm Quang C cũng thừa nhận không có tranh chấp, nên cần công nhận quyền sử dụng đất tại vị trí này và đề nghị chỉnh lý bản đồ theo hiện trạng sử dụng đất. Đối với 2 vị trí số (4) và (6) sau khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, anh Đàm Quang C cũng thừa nhận là đất rừng hồi và thuộc thửa 419 của ông Đàm Văn T, nên cần công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đàm Văn T là phù hợp. Đối với các yêu cầu khởi kiện đã được nguyên đơn rút yêu cầu gồm: Không yêu cầu anh Đàm Quang C phải bồi thường về số cây tạp bị chặt phá các năm từ 2014 đến 2017 tại thửa đất 404, không yêu cầu bồi thường về 02 cây hồi bị đốt cháy tại vị trí số (4) thuộc thửa 419 và không yêu cầu giải quyết về đất và cây tại các thửa đất số 420 và 424, nên cần xem xét đình chỉ việc giải quyết các yêu cầu đã rút này.

[8] Về yêu cầu di dời cây trên đất: Do yêu cầu đòi quyền sử dụng diện tích 2.801,4m² đất tranh chấp tại thửa đất số 404 không có căn cứ, nên yêu cầu di dời cây của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận. Đồng thời công nhận quyền sử dụng đất diện tích tranh chấp là 2.801,4m² tại thửa 404, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T cùng 08 cây xoan, 01 cây bồ đề, 01 cây lim sọc cho hộ ông Đàm Quang C được quản lý, sử dụng đất và định đoạt tài sản trên đất.

[9] Đối với diện tích 1.997,4m² thuộc một phần diện tích của thửa 420 của ông Đàm Văn H, tại Tòa án ông Đàm Văn H và vợ là bà Hoàng Thị S cho biết,

phần đất này anh Đàm Quang C đã trồng lát và tu bồ có 4 cây xoan, 01 cây gỗ tạp, không phải đất do ông bà quản lý. Tại phiên tòa anh Đàm Quang C, ông Đàm Văn H và đại diện Ủy ban nhân dân xã T không yêu cầu, nên không xem xét đối với diện tích đất và cây trên đất tại thửa 420.

[10] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn về phần rút yêu cầu là phần yêu cầu bồi thường cây tạp bị chặt phá, 02 cây hồi bị cháy, phần diện tích 1.997,4 m², tại thửa 420 và cây tạp, cây xoan yêu cầu di dời 4 cây lát được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên ông Đàm Văn T là người trên 70 tuổi, đang sinh sống thuộc xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nên được miễn toàn bộ án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Đàm Văn T số tiền là 1.600.000đồng. Bị đơn anh Đàm Quang C không phải chịu án phí dân sự, sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[11] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản. Tổng chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã chi là 4.000.000đồng, ông Đàm Văn T đã nộp đủ, tại phiên tòa các bên không thỏa thuận được về việc chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, về lỗi trong nguyên nhân xảy ra tranh chấp hoàn toàn thuộc về ông Đàm Văn T, do không biết chính xác đất của mình được cấp ở đâu, và cho rằng đất tranh chấp gia đình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xảy ra tranh chấp, nên đã khởi kiện đòi cả phần đất tại thửa 404 của bị đơn và một phần của các thửa đất 420, 424 của ông Đàm Văn H, Đàm Văn T một cách không có căn cứ. Nên ông Đàm Văn T phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã chi là phù hợp với quy định.

[12] Về chi phí giám định: Nguyên đơn yêu cầu giám định bản đồ làm căn cứ cho rằng thửa đất 404 và 420 đã vẽ trùng lên thửa 523 của ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng thực tế không trùng và không có căn cứ theo yêu cầu khởi kiện, nên ông Đàm Văn T phải chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền là 2.500.000đồng.

[13] Lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cơ bản là có căn cứ, cần chấp nhận phần miễn án phí trong phần quyết định, các phần khác không có căn cứ, nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 186, 189, 190, khoản 4 Điều 275, khoản 1 Điều 281, khoản 1 và 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 24, khoản 9 Điều 26, khoản 5 Điều 147, điểm a khoản 3 và khoản 5 Điều 165, khoản 1 Điều 157, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 235, các khoản 1 và 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đàm Văn T cụ thể như sau:

1. Về đất tranh chấp:

- Bác yêu cầu của ông Đàm Văn T đòi quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp là 2.801,4m² tại vị trí (1) từ điểm Ô, Đ, D, C, I thuộc một phần diện tích của

thửa đất số 404, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính xã T, có địa danh là Đ, thuộc thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Bác yêu cầu của ông Đàm Văn T về việc buộc anh Đàm Quang C di dời 300 cây keo đi nơi khác để trả lại diện tích đất là 2.801,4m² tại thửa 404, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 03 xã T.

- Bác yêu cầu của ông Đàm Văn T về yêu cầu được quản lý, sử dụng tài sản trên đất tại vị trí (1) tại thửa 404 là 08 cây xoan, 01 cây bồ đề, 01 cây khảo cải, 01 cây lim sọc (mạy Lim).

- Công nhận quyền sử dụng đất thực tế của ông Đàm Văn T tại các vị trí (4) là 25,1m², (6) là 53,6m² trong thửa đất 419 và vị trí số (5) là 317,8m² trong thửa đất 404, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 03 xã T.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B chỉnh lý bản đồ thửa đất 404 từ điểm B, I theo điểm Ô, I (A là tọa độ X 403388 Y2435317) tại phía Nam của thửa đất 404, để ông Đàm Văn T được quản lý sử dụng 317,8m² đất trong thửa 404 để quản lý sử dụng bảo vệ rừng hồi.

- Anh Đàm Quang C được sử dụng diện tích 2.801,4m² tại vị trí (1) từ điểm Ô, Đ, D, C, I thuộc một phần diện tích của thửa đất số 404, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính xã T có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp với phần đất còn lại của thửa đất 404 từ điểm Đ đến D và có chiều dài là 89,17 mét.

Phía Đông tiếp giáp với thửa đất 420 mang tên Đàm Văn H từ điểm D đến C có chiều dài là 53,45 mét.

Phía Tây tiếp giáp với thửa đất 419 mang tên Đàm Văn T từ điểm Ô đến Đ có chiều dài là 26,49 mét.

Phía Nam tiếp giáp với phần đất còn lại của thửa đất 404 từ điểm Ô đến I, C có chiều dài là 54,72 mét và sở hữu và định đoạt tài sản trên đất gồm 300 cây keo, 08 cây xoan, 01 cây bồ đề, 01 cây khảo cải, 01 cây lim sọc. (có sơ họa thửa đất tranh chấp ngày 04/11/2019 kèm theo, trên sơ họa có ghi các điểm tọa độ từ 1 đến 9).

2. Đình chỉ việc giải quyết đối với các nội dung sau:

- Đình chỉ việc giải quyết đối với diện tích 350,6m² tại thửa đất số 424, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính xã T.

- Đình chỉ việc giải quyết đối với diện tích 1.997,4m² tại thửa đất số 420, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính xã T và đình chỉ giải quyết tài sản trên đất gồm 04 cây lát, 04 cây xoan, 01 cây bồ đề.

- Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về gỗ tạp anh Đàm Quang C đã chặt phá tại thửa đất số 404, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính xã T.

- Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về 02 cây hồi do anh Đàm Quang C đốt cháy tại vị trí (4) thuộc thửa đất số 419, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính xã T do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

3. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí cho ông Đàm Văn T, trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Đàm Văn T số tiền là 1.600.000đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0000637 ngày 24/6/2019 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện B. Anh Đàm Quang C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

- Ông Đàm Văn T phải chịu 4.000.000đồng (bốn triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận ông Đàm Văn T đã nộp đủ số tiền chi phí định giá đã chi là 4.000.000đồng (bốn triệu đồng).

5. Về chi phí giám định: Ông Đàm Văn T phải chịu 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Đàm Văn T đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Đàm Văn N, các bà Lương Thị A, Hoàng Thị N, các chị Đàm Thị N, Đàm Thị D, Hoàng Thị N, Hoàng Thị X, Hoàng Thị B, các anh Đàm Văn V, Đàm Văn N, Đàm Văn L, Đàm Văn K, Đàm Văn D, Đàm Văn T, Đàm Văn Đ, Đàm Văn T, vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
 - VKSND huyện B;
 - Chi cục THADS huyện B;
 - UBND huyện B;
- Các đương sự;
- lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

- - -

Nguyễn Văn Khởi

